|  |  |
| --- | --- |
| UBND HUYỆN GIA LÂM**TRƯỜNG THCS TT TRÂU QUỲ*****Họ và tên: …………………….Lớp:……..*** |  **BÀI KIỂM TRA** **MÔN: SINH HỌC 9****Năm học 2020 - 2021****ĐỀ 1** |

|  |  |
| --- | --- |
| **Điểm** | **Lời phê của giáo viên:** |

 **Hãy khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng**:

**Câu 1:** Trong phương pháp nghiên cứu của Menđen không có nội dung nào sau đây?

1. Dùng toán thống kê để phân tích các số liệu thu được, từ đó rút ra quy luật di truyền các tính trạng đó của bố mẹ cho các thế hệ sau.
2. Kiểm tra độ thuần chủng của bố mẹ trước khi đem lai.
3. Lai các cặp bố mẹ thuần chủng khác nhau về một hoặc vài cặp tính trạng tương phản, rồi theo dõi sự di truyền riêng rẽ của từng cặp tính trạng đó trên con cháu của từng cặp bố mẹ.
4. Lai phân tích cơ thể lai F3.

**Câu 2:** Ví dụ nào sau đây không phải là cặp tính trạng tương phản?

1. Da trắng – Da đen.
2. Cao – Thấp.
3. Môi dày – Mắt xanh.
4. Tóc thẳng – Tóc quăn.

**Câu 3:** Tại sao khi lai 2 bố mẹ thuần chủng khác nhau về 1 cặp tính trạng tương phản thì F2 phân li tính trạng theo tỉ lệ trung bình 3 trội : 1 lặn?

1. Các nhân tố di truyền phân li đồng đều cho các giao tử.
2. Các giao tử kết hợp tự do trong quá trình thụ tinh.
3. Kiểu gen đồng hợp tử trội (1AA) và kiểu gen dị hợp tử (2Aa) đều biểu hiện kiểu hình trội, kiểu gen đồng hợp tử lặn (1aa) biểu hiện kiểu hình lặn.
4. Tất cả các đáp án.

**Câu 4:** Kiểu hình là:

1. tổ hợp toàn bộ các đặc điểm sinh lý của cơ thể.
2. tổ hợp toàn bộ các tính trạng của cơ thể.
3. tổ hợp toàn bộ các nhân tố di truyền của cơ thể.
4. tổ hợp toàn bộ các đặc điểm hình thái của cơ thể.

**Câu 5:** Khi cho cây cà chua quả đỏ thuần chủng lai phân tích. Kết quả thu được:

1. toàn quả vàng.
2. toàn quả đỏ.
3. 1 quả đỏ : 1 quả vàng.
4. 3 quả đỏ : 1 quả vàng.

**Câu 6:** Ở đậu Hà Lan, gen A quy định thân cao, gen a quy định thân thấp. Cho lai cây thân cao với cây thân thấp, F1 thu được 51% cây thân cao : 49% cây thân thấp.

Kiểu gen của phép lai trên là:

1. P: AA x aa.
2. P: AA x Aa.
3. P: Aa x Aa.
4. P: Aa x aa.

**Câu 7:** Theo dõi TN của Menđen, khi lai đậu Hà Lan thuần chủng hạt vàng, trơn và hạt xanh, nhăn với nhau thu được F1 đều hạt vàng, trơn. Khi cho F1 tự thụ phấn thì F2 có tỉ lệ kiểu hình là:

1. 9 vàng, nhăn : 3 vàng, trơn : 3 xanh, nhăn : 1 xanh trơn.
2. 9 vàng, trơn : 3 xanh, nhăn : 3 xanh, trơn : 1 vàng, nhăn.
3. 9 vàng, nhăn : 3 xanh, nhăn : 3 vàng, trơn : 1 xanh, trơn.
4. 9 vàng, trơn : 3 vàng, nhăn : 3 xanh, trơn : 1 xanh, nhăn.

**Câu 8:** Định luật phân li độc lập góp phần giải thích hiện tượng:

1. biến dị tổ hợp vô cùng phong phú ở loài giao phối.
2. các gen phân li trong giảm phân và tổ hợp trong thụ tinh.
3. tương quan trội – lặn trong tự nhiên.
4. cặp tính trạng tương phản.

**Câu 9:** NST là cấu trúc có ở:

1. Bên ngoài tế bào.
2. Trong các bào quan.
3. Trong nhân tế bào.
4. Trên màng tế bào.

**Câu 10:** Trong tế bào ở các loài sinh vật, NST có dạng:

1. Hình que.
2. Hình hạt.
3. Hình chữ V.
4. Nhiều hình dạng.

**Câu 11:** Sự tự nhân đôi của NST diễn ra ở kì nào của chu kì tế bào:

1. Kì trung gian
2. Kì đầu
3. Kì giữa
4. Kì sau

**Câu 12:** Ý nghĩa cơ bản của quá trình nguyên phân là:

1. Sự chia đều chất nhân của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.
2. Sự sao chép nguyên vẹn bộ NST của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.
3. Sự phân li đồng đều của các crômatit về 2 tế bào con.
4. Sự phân chia đồng đều tế bào chất của tế bào mẹ cho 2 tế bào con.

**Câu 13:** Giảm phân là hình thức phân bào xảy ra ở:

1. Tế bào sinh dưỡng
2. Tế bào sinh dục vào thời kì chín
3. Tế bào mầm sinh dục
4. Hợp tử và tế bào sinh dưỡng

**Câu 14:** Ở ruồi giấm 2n = 8. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì giữa của giảm phân I. Số NST trong tế bào đó là:

1. 4 NST kép
2. 8 NST đơn
3. 16 NST đơn
4. 8 NST kép

**Câu 15:** Trong quá trình tạo giao tử ở động vật, hoạt động của tế bào mầm là:

1. Nguyên phân
2. Giảm phân
3. Thụ tinh
4. Nguyên phân và giảm phân

**Câu 16:** Từ một noãn bào bậc I trải qua quá trình giảm phân sẽ tạo được:

1. 4 thể cực
2. 4 trứng
3. 1 thể cực và 3 trứng
4. 1 trứng và 3 thể cực

**Câu 17:** Đặc điểm của NST giới tính là:

1. Có nhiều cặp trong tế bào sinh dưỡng
2. Có 1 đến 2 cặp trong tế bào
3. Số cặp trong tế bào thay đổi tùy loài
4. Luôn chỉ có một cặp trong tế bào sinh dưỡng

**Câu 18:** Trong tế bào sinh dưỡng của mỗi loài sinh vật thì NST giới tính:

1. Luôn luôn là một cặp tương đồng.
2. Luôn luôn là một cặp không tương đồng.
3. Là một cặp tương đồng hay không tương đồng tùy thuộc vào giới tính.
4. Có nhiều cặp, đều không tương đồng.

**Câu 19:** Ruồi giấm được xem là đối tượng thuận lợi cho việc nghiên cứu di truyền vì:

A. Dễ nuôi trong ống nghiệm.

1. B. Đẻ nhiều.
2. Vòng đời ngắn.
3. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 20:** Khi cho giao phối ruồi giấm thuần chủng thân xám, cánh dài với ruồi giấm thuần chủng thân đen, cánh cụt thì ở F1 thu được ruồi có kiểu hình:

1. Đều có thân xám, cánh dài.
2. Đều có thân đen, cánh cụt.
3. Thân xám, cánh dài và thân đen, cánh cụt.
4. Thân xám, cánh cụt và thân đen, cánh dài.

**Câu 21:** Tên gọi của phân tử ADN là

1. Axit đêôxiribônuclêic
2. Axit nuclêic
3. Axit ribônuclêic
4. Nuclêôtit

**Câu 22:** Kết quả của quá trình nhân đôi ADN là:

1. Phân tử ADN con giống hệt ADN mẹ
2. Phân tử ADN con được đổi mới so với ADN mẹ
3. Phân tử ADN con dài hơn ADN mẹ
4. Phân tử ADN con ngắn hơn ADN mẹ

**Câu 23:** Các nguyên tố hoá học tham gia cấu tạo nên prôtêin là:

1. C, H, O, N, P
2. C, H, O, N
3. K, H, P, O, S , N
4. C, O, N, P

**Câu 24:** Đặc điểm chung về cấu tạo của ADN, ARN và prôtêin là:

1. Là đại phân tử, có cấu tạo theo nguyên tắc đa phân.
2. Có kích thước và khối lượng bằng nhau
3. Đều được cấu tạo từ các nuclêôtit
4. Đều được cấu tạo từ các axit amin

**Câu 25:** Tự thụ phấn là hiện tượng thụ phấn xảy ra giữa:

1. Hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau.
2. Hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau và mang kiểu gen khác nhau.
3. Hoa đực và hoa cái trên cùng một cây**.**
4. Hoa đực và hoa cái của các cây thuộc hai loài khác nhau.

**Câu 26:** Tự thụ phấn và giao phối gần gây ra hiện tượng thoái hóa nhưng vẫn được sử dụng trong chọn giống vì:

1. Để củng cố và duy trì một số tính trạng mong muốn, tạo dòng thuần.
2. Tạo ra giống mới để góp phần phát triển chăn nuôi và trồng trọt.
3. Tạo ra nhiều loại đột biến có lợi.
4. Tạo ra nhiều biến dị mới.

**Câu 27:** Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất khi thực hiện phép lai giữa:

1. Các cá thể khác loài.
2. Các dòng thuần có kiểu gen khác nhau.
3. Các cá thể được sinh ra từ một cặp bố mẹ.
4. Hoa đực và hoa cái trên cùng một cây.

**Câu 28:** Khi thực hiện lai giữa các dòng thuần mang kiểu gen khác nhau thì ưu thế lai thể hiện rõ nhất ở thế hệ lai:

1. Thứ 1.
2. Thứ 2.
3. Thứ 3.
4. Mọi thế hệ.

**Câu 29:** Nhóm sinh vật nào sau đây sống trong môi trường nước?

1. Cá heo, hải quỳ, lạc đà.
2. Cá chép, cá voi, bạch tuộc.
3. Cá chuồn, cá sấu, hổ.
4. Khỉ, bồ nông, cá chép.

**Câu 30:** Cá rô phi có giới hạn nhiệt độ từ 5 - 420 C và sinh sống tốt nhất ở 300 C. Điều nào sau đây không đúng đối với cá rô phi?

1. Giới hạn chịu đựng của cá rô phi là từ 5 - 420 C.
2. Cá rô phi yếu dần và chết khi nhiệt độ xuống dưới 50 C.
3. Cá rô phi yếu dần và chết khi nhiệt độ lên cao quá 420 C.
4. Điểm cực thuận về nhiệt độ của cá rô phi là 320 C.

**Câu 31:** Loài động vật nào sau đây thường kiếm ăn ban đêm?

1. Cừu.
2. Trâu.
3. Bò.
4. Cú mèo.

**Câu 32:** Nhóm thực vật nào dưới đây gồm toàn cây ưa bóng?

1. Cây phát lộc, cây thông, cây phượng.
2. Cây xương rồng, cây phong lan, cây vạn niên thanh.
3. Cây dương xỉ, cây rêu, cây lưỡi hổ.
4. Cây lan ý, cây kim tiền phát, cây ổi.

**Câu 33:** Hệ sinh thái bao gồm các thành phần là:

1. Thành phần không sống và sinh vật.
2. Sinh vật sản xuất và sinh vật tiêu thụ.
3. Sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân giải.
4. Sinh vật sản xuất và sinh vật phân giải.

**Câu 34:** Trong một hệ sinh thái, cây xanh là:

1. Sinh vật phân giải.
2. Sinh vật tiêu thụ.
3. Sinh vật sản xuất.
4. Sinh vật tiêu thụ và sinh vật phân giải.

**Câu 35:** Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, thời kì nào con người có tác động ít nhất đến môi trường xung quanh?

1. Thời kì nguyên thủy.
2. Xã hội nông nghiệp.
3. Xã hội công nghiệp.
4. Thời kì đô thị hóa.

**Câu 36:** Khi nói về những tác động bất lợi đối với môi trường do nền công nghiệp phát triển đã gây ra, những phát biểu nào sau đây đúng?

(1) Đô thị hóa lấy đi nhiều vùng đất tự nhiên, đất trồng trọt.

(2) Hoạt động cày xới đất canh tác góp phần làm thay đổi đất và tầng nước mặt.

(3) Công nghiệp khai khoáng tàn phá nhiều diện tích rừng.

(4) Khí thải và hóa chất độc hại gây ô nhiễm môi trường.

1. (1), (2) và (3).
2. (2), (3) và (4).
3. (1), (2) và (4).
4. (1), (3) và (4).

**Câu 37:** Hiện nay, ô nhiễm môi trường chủ yếu là do

1. hoạt động của con người.
2. hoạt động của sinh vật (trừ con người).
3. ảnh hưởng của bức xạ Mặt Trời.
4. hoạt động của núi lửa.

**Câu 38:** Việc sử dụng các loại thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, diệt nấm...không đúng cách và dùng quá liều lượng sẽ

1. tiêu diệt nhiều loài động vật và thực vật trên Trái Đất.
2. làm ô nhiễm môi trường đất và cằn cỗi đất, ảnh hưởng xấu đến thực vật.
3. làm ô nhiễm nguồn nước mặt và nước ngầm gây ảnh hưởng xấu đến động vật.
4. tác động bất lợi tới toàn bộ hệ sinh thái và ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

**Câu 39:** Biện pháp nào sau đây giúp hạn chế ô nhiễm nguồn nước?

1. Không sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và chất độc hóa học.
2. Hạn chế tàu thuyền đi lại trên sông, hồ và trên biển.
3. Xây dựng hệ thống xử lí nước thải từ các khu công nghiệp và khu dân cư.
4. Cấm thải nước thải chưa xử lí ra các nguồn nước ngầm và nước mặt.

**Câu 40:** Biện pháp nào sau đây giúp hạn chế ô nhiễm môi trường không khí?

1. Sử dụng năng lượng Mặt Trời.
2. Sử dụng năng lượng từ than đá và dầu mỏ.
3. Tăng cường phát triển sản xuất công nghiệp.
4. Mở rộng diện tích đất nông nghiệp.